

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
YẾN SÀO KHÁNH HÒA

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 13 - 37 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Trước đó, Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh được thành lập theo Quyết định số 2150/QĐ-YS ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 09 tháng 9 năm 2016 và đăng ký thay đổi đến lần thứ ba ngày 10 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3745 601
- Fax : 0258 3745 605

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Cửa hàng Yến Sào Vĩnh Diễm Trung - Nha Trang – Khánh Hòa kiêm Văn phòng đại diện | Lô 7-9 Đường A1, 84 đường B1, khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 18 Thái Nguyên – Nha Trang – Khánh Hòa | Số 18 Thái Nguyên, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 48 Lê Thánh Tôn – Nha Trang – Khánh Hòa | Số 48 Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang | Số 68 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|----------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Trịnh Thị Hồng Vân | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Khoa Bảo | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Lê Hồng Thuận | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Vương Phạm Phương Thanh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Huỳnh Đức Trọng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Vũ Trần Nguyên Minh | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Hồ Hải | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Phạm Duy Hưng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Khoa Bảo | Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Phan Thị Giang | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016 |
| Ông Đặng Minh Thích | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016 |
| Ông Phạm Quốc Hùng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2018 |
| Ông Huỳnh Đức Trọng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2021 |
| Bà Phạm Thị Lành | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2016 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là bà Trịnh Thị Hồng Vân – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 22 tháng 8 năm 2022

YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Số: 3.0172/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm
Phó Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nha Trang, ngày 22 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 517.548.258.139 | 510.888.840.431 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 68.940.232.814 | 85.136.592.207 |
| 1. Tiền | 111 | | 28.940.232.814 | 34.803.264.554 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 40.000.000.000 | 50.333.327.653 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 201.335.757.052 | 216.103.462.486 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 105.862.480.466 | 127.701.191.029 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 1.191.748.868 | 844.057.030 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 86.000.000.000 | 76.000.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 8.281.527.718 | 11.558.214.427 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 245.133.615.180 | 202.057.877.844 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 245.133.615.180 | 202.057.877.844 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.138.653.093 | 7.590.907.894 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 1.310.214.987 | 1.288.040.903 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 828.438.106 | 6.302.866.991 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 122.015.404.953 | 130.912.609.383 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 182.000.000 | 142.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 182.000.000 | 142.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 60.801.991.037 | 65.810.751.394 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 55.310.170.037 | 60.296.430.394 |
| - Nguyên giá | 222 | | 142.680.041.949 | 141.513.333.317 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (87.369.871.912) | (81.216.902.923) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 5.491.821.000 | 5.514.321.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 5.660.571.000 | 5.660.571.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (168.750.000) | (146.250.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.371.609.995 | 1.101.472.182 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 2.371.609.995 | 1.101.472.182 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.11 | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 49.659.803.921 | 54.858.385.807 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 49.659.803.921 | 54.858.385.807 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 639.563.663.092 | 641.801.449.814 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 319.521.537.201 | 313.851.177.028 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 319.521.537.201 | 313.851.177.028 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 104.838.559.674 | 104.320.536.901 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 884.937.987 | 1.039.676.858 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 5.078.885.478 | - |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.15 | 79.707.756.496 | 79.369.036.950 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 6.092.313.443 | 14.890.550.585 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 5.436.713.308 | 8.344.190.437 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18 | 96.947.025.261 | 87.577.816.892 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 20.535.345.554 | 18.309.368.405 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 320.042.125.891 | 327.950.272.786 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 319.716.667.321 | 327.952.017.266 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20 | 230.000.000.000 | 230.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 230.000.000.000 | 230.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.20 | 3.350.161.370 | 3.350.161.370 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20 | 31.549.929.442 | 16.259.177.151 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20 | 54.816.576.509 | 78.342.678.745 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 1.897.475.080 | 78.342.678.745 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 52.919.101.429 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 325.458.570 | (1.744.480) |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | V.21 | 325.458.570 | (1.744.480) |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 639.563.663.092 | 641.801.449.814 |



Khánh Hòa, ngày 22 tháng 8 năm 2022

Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 921.350.313.318 | 826.156.772.148 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 19.350.836.194 | 15.572.091.614 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 901.999.477.124 | 810.584.680.534 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 746.603.251.846 | 669.245.609.605 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 155.396.225.278 | 141.339.070.929 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 7.862.606.310 | 6.315.469.359 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 1.790.130.269 | 2.737.709.329 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.728.607.461 | 2.208.247.546 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 68.729.146.955 | 59.488.214.046 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 27.860.189.410 | 30.524.936.460 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 64.879.364.954 | 54.903.680.453 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 153.265.064 | 266.844.401 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 27.714.267 | 18.868.553 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 125.550.797 | 247.975.848 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 65.004.915.751 | 55.151.656.301 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 12.085.814.322 | 10.048.819.335 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>52.919.101.429</u> | <u>45.102.836.966</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | | |

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 8 năm 2022


Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốcTrịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 65.004.915.751 | 55.151.656.301 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8, V.9 | 6.175.468.989 | 5.982.439.548 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (7.862.606.310) | (6.315.469.359) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 1.728.607.461 | 2.208.247.546 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 65.046.385.891 | 57.026.874.036 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 27.286.461.889 | 28.172.843.645 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | V.6 | (43.075.737.336) | 76.432.128.730 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (9.921.805.647) | (47.150.294.614) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | V.7 | 5.176.407.802 | 7.678.407.542 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | VI.5 | (1.728.607.461) | (2.208.247.546) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (7.900.000.000) | (15.850.000.000) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.21 | 350.000.000 | 17.880.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19, V.21 | (6.946.782.928) | (9.363.191.257) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 28.286.322.210 | 94.756.400.536 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (2.918.481.056) | (4.815.213.166) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.4, V.11 | (43.000.000.000) | (20.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.4, V.11 | 33.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.4 | 11.040.472.134 | 13.557.402.347 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.878.008.922) | 5.742.189.181 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18 | 318.177.784.756 | 341.795.601.622 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18 | (308.808.576.387) | (334.886.632.234) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.17, V.20 | (51.973.881.050) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (42.604.672.681) | 6.908.969.388 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (16.196.359.393) | 107.407.559.105 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 85.136.592.207 | 41.653.412.257 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 68.940.232.814 | 149.060.971.362 |

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 8 năm 2022



Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do dịch Covid-19 đã được kiểm soát, Công ty thúc đẩy doanh số bán các mặt hàng yến nên doanh thu và lợi nhuận kỳ này tăng so với kỳ trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|--|
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | Vĩnh Cát, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến |
| Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa | Lô NM5, NM6 đường số 1, cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa | Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam | Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa | Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến |

Tỷ lệ vốn góp/đăng ký vốn góp tại các công ty con này là 100%. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tương ứng tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Cửa hàng Yến Sào Vĩnh Diêm Trung - Nha Trang – Khánh Hòa kiêm Văn phòng đại diện | Lô 7-9 Đường A1, 84 đường B1, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 18 Thái Nguyên – Nha Trang – Khánh Hòa | Số 18 Thái Nguyên, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 48 Lê Thánh Tôn – Nha Trang – Khánh Hòa | Số 48 Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang | Số 68 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 955 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 939 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 20 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 08 |
| Tài sản cố định khác | 05 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn. Công ty không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 4.672.458.975 | 3.426.834.223 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 24.267.773.839 | 31.376.430.331 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 40.000.000.000 | 50.333.327.653 |
| Cộng | <u>68.940.232.814</u> | <u>85.136.592.207</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>97.837.887.093</i> | <i>85.067.670.680</i> |
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 93.230.885.969 | 84.984.009.520 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | 4.418.736.134 | - |
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | 165.563.240 | 76.939.060 |
| Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa | 11.844.900 | 6.411.900 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | 6.505.530 | - |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 4.351.320 | 310.200 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>8.024.593.373</i> | <i>42.633.520.349</i> |
| Các khách hàng khác | 8.024.593.373 | 42.633.520.349 |
| Cộng | <u>105.862.480.466</u> | <u>127.701.191.029</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | <i>-</i> | <i>197.805.000</i> |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land | - | 197.805.000 |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | <i>1.191.748.868</i> | <i>646.252.030</i> |
| Công ty TNHH Xây dựng Phúc Tín VN | 291.051.095 | 78.152.000 |
| Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa | 272.793.773 | - |
| DNTN Nguyễn Trọng Quốc | 364.400.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 263.504.000 | 568.100.030 |
| Cộng | <u>1.191.748.868</u> | <u>844.057.030</u> |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa (là bên liên quan) vay ngắn hạn, thời gian cho vay 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất cho vay là 6%/năm.

Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 6.962.987.746 | - | 10.131.853.570 | - |
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | 6.909.366.646 | - | 10.087.232.470 | - |
| - Lợi nhuận được chia | 4.603.558.410 | - | 6.888.574.900 | - |
| - Lãi cho vay | 2.305.808.236 | - | 3.198.657.570 | - |
| Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa | 20.389.900 | - | 17.389.900 | - |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam | 16.615.600 | - | 13.615.600 | - |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa | 16.615.600 | - | 13.615.600 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1.318.539.972 | - | 1.426.360.857 | - |
| Quỹ thưởng ban điều hành | - | - | 24.488.247 | - |
| Tạm ứng | 1.218.359.807 | - | 874.611.458 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 100.180.165 | - | 527.261.152 | - |
| Cộng | 8.281.527.718 | - | 11.558.214.427 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ thuê văn phòng.

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 94.741.357.214 | - | 76.272.883.773 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 68.778.787.351 | - | 76.979.428.057 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 11.322.355.594 | - | 4.444.069.641 | - |
| Thành phẩm | 52.156.322.574 | - | 27.972.355.424 | - |
| Hàng hóa | 8.645.134.973 | - | 11.981.705.539 | - |
| Hàng gửi đi bán | 9.489.657.474 | - | 4.407.435.410 | - |
| Cộng | 245.133.615.180 | - | 202.057.877.844 | - |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuê mặt bằng, bảng hiệu | 1.309.775.000 | 1.286.940.910 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 439.987 | 1.099.993 |
| Cộng | 1.310.214.987 | 1.288.040.903 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi thế kinh doanh | 39.539.730.727 | 44.285.538.592 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 3.223.967.000 | 3.035.109.666 |
| Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng | 5.512.513.982 | 5.447.458.289 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 1.383.592.212 | 2.090.279.260 |
| Cộng | 49.659.803.921 | 54.858.385.807 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 19.188.805.855 | 103.933.712.060 | 17.432.977.105 | 763.638.297 | 194.200.000 | 141.513.333.317 |
| Mua trong kỳ | - | 1.139.701.432 | 27.007.200 | - | - | 1.166.708.632 |
| Số cuối kỳ | 19.188.805.855 | 105.073.413.492 | 17.459.984.305 | 763.638.297 | 194.200.000 | 142.680.041.949 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | 4.997.658.790 | 24.263.801.093 | 11.625.316.650 | 220.202.076 | - | 41.106.978.609 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 12.097.242.780 | 55.483.434.863 | 13.090.947.490 | 454.387.790 | 90.890.000 | 81.216.902.923 |
| Khấu hao trong kỳ | 546.313.969 | 4.960.408.692 | 585.981.288 | 40.845.040 | 19.420.000 | 6.152.968.989 |
| Số cuối kỳ | 12.643.556.749 | 60.443.843.555 | 13.676.928.778 | 495.232.830 | 110.310.000 | 87.369.871.912 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 7.091.563.075 | 48.450.277.197 | 4.342.029.615 | 309.250.507 | 103.310.000 | 60.296.430.394 |
| Số cuối kỳ | 6.545.249.106 | 44.629.569.937 | 3.783.055.527 | 268.405.467 | 83.890.000 | 55.310.170.037 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 5.435.571.000 | 225.000.000 | 5.660.571.000 |
| Số cuối kỳ | 5.435.571.000 | 225.000.000 | 5.660.571.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | - | - | - |
| Chờ thanh lý | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 146.250.000 | 146.250.000 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 22.500.000 | 22.500.000 |
| Số cuối kỳ | - | 168.750.000 | 168.750.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|------------------------------|---|----------------------|
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 5.435.571.000 | 78.750.000 | 5.514.321.000 |
| Số cuối kỳ | 5.435.571.000 | 56.250.000 | 5.491.821.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào chi phí trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|----------------------|---------------------------------------|---|--|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 1.166.708.632 | (1.166.708.632) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 1.101.472.182 | 1.270.137.813 | - | - | 2.371.609.995 |
| - Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa tại cụm công nghiệp Sông Cầu. | 1.023.972.182 | 960.817.813 | - | - | 1.984.789.995 |
| - Công trình nghiên cứu đề tài "Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm bảo vệ sức khỏe từ tinh chất yến sào thiên nhiên Khánh Hòa" | 77.500.000 | 309.320.000 | - | - | 386.820.000 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 443.258.643 | - | (443.258.643) | - |
| Cộng | 1.101.472.182 | 2.880.105.088 | (1.166.708.632) | (443.258.643) | 2.371.609.995 |

11. Đầu tư vào công ty con

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾ | 9.000.000.000 | - | 9.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾ | - | - | - | - |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | - | - | - | - |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa ^(iv) | - | - | - | - |
| Cộng | 9.000.000.000 | - | 9.000.000.000 | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201767187 ngày 09 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa 9.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201770743 ngày 08 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa góp vốn điều lệ, vốn điều lệ còn phải góp là 50.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815338 ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa góp vốn điều lệ, vốn điều lệ còn phải góp là 36.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815419 ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa góp vốn điều lệ, vốn điều lệ còn phải góp là 36.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.
- Các công ty con khác là: Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa chưa hoạt động.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | | |
| Công ty bán hàng hóa và thành phẩm | 2.685.822.731 | 358.375.100 |
| Công ty mua nguyên vật liệu và hàng hóa | 66.186.963.899 | 26.407.147.500 |
| Chi phí sử dụng dịch vụ | 1.121.785.000 | - |
| Công ty cho vay | 43.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Công ty thu hồi gốc vay | 33.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| Lãi cho vay | 2.305.808.236 | 940.273.984 |
| Công ty thu hồi lãi cho vay | 3.198.657.570 | 3.698.191.789 |
| Lợi nhuận được chia | 4.603.558.410 | 4.930.894.585 |
| Công ty nhận lợi nhuận được chia bằng tiền | 6.888.574.900 | 9.414.909.768 |
| Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa | | |
| Công ty nộp hồ lệ phí môn bài | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam | | |
| Công ty nộp hồ lệ phí môn bài | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa | | |
| Công ty nộp hồ lệ phí môn bài | 3.000.000 | 3.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, vốn điều lệ còn phải góp vào Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam và Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa lần lượt là 50.000.000.000 VND, 36.000.000.000 VND và 36.000.000.000 VND.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 22.218.215.633 | 20.273.154.791 |
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | 17.134.177.989 | 11.166.011.238 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | 4.680.808.361 | 4.767.798.369 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | 383.194.203 | 440.973.940 |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land | 20.035.080 | - |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | - | 3.898.371.244 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 82.620.344.041 | 84.047.382.110 |
| Công ty TNHH 79 Ngô Gia Tự | 5.814.041.770 | 11.181.170.000 |
| Công ty TNHH NHT | 15.446.368.660 | 11.740.339.778 |
| Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn | 21.034.816.284 | 13.994.540.468 |
| Các nhà cung cấp khác | 40.325.117.327 | 47.131.331.864 |
| Cộng | 104.838.559.674 | 104.320.536.901 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|----------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | - | 18.958.360 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | - | 18.958.360 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 884.937.987 | 1.020.718.498 |
| Các khách hàng khác | 884.937.987 | 1.020.718.498 |
| Cộng | 884.937.987 | 1.039.676.858 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | <u>Số cuối kỳ</u> | |
|---------------------------------|-------------------|----------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------|--------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 3.016.136.234 | 23.440.819.887 | (16.889.031.169) | 3.535.652.484 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 378.324.251 | (378.324.251) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 429.913.922 | (429.913.922) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 2.642.581.328 | 12.085.814.322 | (7.900.000.000) | 1.543.232.994 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 644.149.429 | 12.866.166.968 | (13.050.455.645) | - | 828.438.106 |
| Thuế tài nguyên | - | - | 6.585.000 | (6.585.000) | - | - |
| Phí sử dụng đất phi nông nghiệp | - | - | 2.895.750 | (2.895.750) | - | - |
| Lệ phí môn bài | - | - | 7.000.000 | (7.000.000) | - | - |
| Cộng | - | 6.302.866.991 | 49.217.520.100 | (38.664.205.737) | 5.078.885.478 | 828.438.106 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất từ ngày 01/02/2022 là 8%, trước đó là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 65.004.915.751 | 55.151.656.301 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 27.714.267 | 23.334.959 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (14.890.550.585) | (15.706.377.707) |
| Thu nhập chịu thuế | 50.142.079.433 | 39.468.613.553 |
| Thu nhập được miễn thuế | (4.603.558.410) | (4.930.894.585) |
| Thu nhập tính thuế | 45.538.521.023 | 34.537.718.968 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 9.107.704.205 | 6.907.543.794 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 2.978.110.117 | 3.141.275.541 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 12.085.814.322 | 10.048.819.335 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 5.000 VND/m³, thuế suất 5%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Số cuối kỳ là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|-----------------------|
| Chi phí phát triển thị trường, quảng bá, trả thưởng | 4.468.603.472 | 9.330.345.181 |
| Chi phí tăng trưởng | 800.000.000 | 2.000.000.000 |
| Chi phí vận chuyển | 810.871.571 | 3.560.205.404 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 12.838.400 | - |
| Cộng | 6.092.313.443 | 14.890.550.585 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 37.990.000 | 43.000.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 37.990.000 | 43.000.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 5.398.723.308 | 8.301.190.437 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 64.840.735 | - |
| Kinh phí công đoàn | 3.421.114.494 | 3.810.346.599 |
| Bảo hiểm xã hội | 13.771.306 | 6.815.909 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 8.981.531 | 2.862.581 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.890.015.242 | 4.481.165.348 |
| Cộng | <u>5.436.713.308</u> | <u>8.344.190.437</u> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾ | 45.375.735.487 | 41.566.818.444 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾ | 31.863.529.307 | 3.920.953.050 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 3.485.586.973 | 42.090.045.398 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(iv) | 16.222.173.494 | - |
| Cộng | <u>96.947.025.261</u> | <u>87.577.816.892</u> |

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 4 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.

Các khoản vay nêu trên không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

| | Số tiền (VND) |
|--------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 87.577.816.892 |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 318.177.784.756 |
| Số tiền vay đã trả | (308.808.576.387) |
| Số cuối kỳ | 96.947.025.261 |

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích từ lợi nhuận | Chi quỹ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|-----------------------|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 18.285.962.493 | 7.645.376.145 | (6.584.693.978) | 19.346.644.660 |
| Quỹ phúc lợi | 23.405.912 | - | (21.000.000) | 2.405.912 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành ⁽ⁱ⁾ | (24.488.247) | 1.529.075.229 | (318.292.000) | 1.186.294.982 |
| Cộng | 18.284.880.158 | 9.174.451.374 | (6.923.985.978) | 20.535.345.554 |

(i) Số dư Quỹ thưởng Ban điều hành đầu năm chi vượt được trình bày tại khoản mục Phải thu ngắn hạn khác - xem thuyết minh số V.5a.

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 12.239.098.951 | 59.396.139.572 | 304.985.399.893 |
| Cổ tức năm 2020 phải trả cổ đông | - | - | - | (54.673.000.000) | (54.673.000.000) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020 | - | - | 4.020.078.200 | (4.020.078.200) | - |
| Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | 2.219.968.720 | 2.219.968.720 |
| Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2020 | - | - | - | (1.033.831.280) | (1.033.831.280) |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | 45.102.836.966 | 45.102.836.966 |
| Số dư cuối kỳ trước | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 16.259.177.151 | 46.992.035.778 | 296.601.374.299 |
| Số dư đầu năm nay | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 16.259.177.151 | 78.342.678.745 | 327.952.017.266 |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 | - | - | - | (51.980.000.000) | (51.980.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 | - | - | - | (7.645.376.145) | (7.645.376.145) |
| Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm 2021 | - | - | - | (1.529.075.229) | (1.529.075.229) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2021 | - | - | 15.290.752.291 | (15.290.752.291) | - |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 52.919.101.429 | 52.919.101.429 |
| Số dư cuối kỳ này | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 31.549.929.442 | 54.816.576.509 | 319.716.667.321 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 230.000.000.000 VND, chi tiết theo cổ đông lớn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 117.300.000.000 | 117.300.000.000 |
| Các cổ đông khác | 112.700.000.000 | 112.700.000.000 |
| Cộng | <u>230.000.000.000</u> | <u>230.000.000.000</u> |

20c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 23.000.000 | 23.000.000 |

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 04/NQ-ĐHĐCĐ-SKV ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 05 năm 2022 như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> |
|---|------------------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 51.980.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 15.290.752.291 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 7.645.376.145 |
| • Trích thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban quản lý điều hành Công ty | : 1.529.075.229 |
| Cộng | <u>76.445.203.665</u> |

21. Nguồn kinh phí

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|-------------------------|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | (1.744.480) | - |
| Nguồn kinh phí được cấp | 350.000.000 | - |
| Chi sự nghiệp | (22.796.950) | - |
| Số cuối kỳ | <u>325.458.570</u> | <u>-</u> |

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chi có 8.577,64 USD (số đầu năm là 8.970,7 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm phát sinh trong kỳ.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng hóa, thành phẩm cho công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 527.939.777.268 | 464.930.875.900 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | 38.584.351.791 | 68.413.025.506 |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 2.909.408.800 | 3.985.248.300 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | 2.789.550.800 | 4.157.866.000 |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan | 1.541.515.000 | 1.916.417.800 |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 1.206.885.800 | 1.748.753.900 |
| Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa | 73.225.000 | 18.589.474.500 |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ.

3. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn hàng hóa, thành phẩm bán trong kỳ.

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 953.239.664 | 444.300.790 |
| Lãi tiền cho vay | 2.305.808.236 | 940.273.984 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 4.603.558.410 | 4.930.894.585 |
| Cộng | 7.862.606.310 | 6.315.469.359 |

5. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 1.728.607.461 | 2.208.247.546 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 61.522.808 | 529.461.783 |
| Cộng | 1.790.130.269 | 2.737.709.329 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 14.247.735.996 | 11.519.520.843 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 462.019.550 | 95.649.361 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 324.534.715 | 795.887.409 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 381.756.535 | 384.660.548 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 33.238.054.068 | 29.735.994.603 |
| Các chi phí khác | 20.075.046.091 | 16.956.501.282 |
| Cộng | 68.729.146.955 | 59.488.214.046 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 20.055.949.969 | 20.674.599.661 |
| Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ | 1.648.450.017 | 1.555.420.222 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 249.722.980 | 136.111.490 |
| Thuế, phí và lệ phí | 7.000.000 | 26.329.316 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.636.489.171 | 6.139.914.855 |
| Các chi phí khác | 262.577.273 | 1.992.560.916 |
| Cộng | 27.860.189.410 | 30.524.936.460 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Hàng hóa được biểu, tặng | 144.802.940 | 84.887.000 |
| Hàng thừa kiểm kê | - | 181.945.700 |
| Thu nhập khác | 8.462.124 | 11.701 |
| Cộng | 153.265.064 | 266.844.401 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi chậm nộp thuế | 27.422.620 | 18.860.891 |
| Xử lý công nợ tồn đọng | 291.647 | 7.662 |
| Cộng | 27.714.267 | 18.868.553 |

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 571.588.844.448 | 417.548.506.047 |
| Chi phí nhân công | 158.873.746.199 | 142.601.661.007 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.175.468.989 | 5.982.439.548 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 59.496.472.267 | 47.452.792.719 |
| Chi phí khác | 20.344.623.364 | 13.105.000.232 |
| Cộng | 816.479.155.267 | 626.690.399.553 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Cộng thu nhập |
|--|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Kỳ này | | | | |
| Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 221.532.000 | 90.000.000 | 311.532.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | - | 51.600.000 | 51.600.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | - | 51.600.000 | 51.600.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc | 309.600.000 | 215.047.000 | - | 524.647.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc | 265.500.000 | 193.951.000 | - | 459.451.000 |
| Phó Giám đốc | 265.500.000 | 195.451.000 | - | 460.951.000 |
| Phó Giám đốc | 258.534.000 | 193.951.000 | - | 452.485.000 |
| Phó Giám đốc | 265.500.000 | 193.951.000 | - | 459.451.000 |
| Trưởng Ban kiểm soát | 279.900.000 | 202.359.000 | - | 482.259.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | - | 32.400.000 | 32.400.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | 78.389.000 | 146.001.000 | 32.400.000 | 256.790.000 |
| Kế toán trưởng | 235.800.000 | 181.258.000 | - | 417.058.000 |
| Cộng | 1.958.723.000 | 1.743.501.000 | 258.000.000 | 3.960.224.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Tiền lương</u> | <u>Thưởng</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Kỳ trước | | | | |
| Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 115.183.000 | 90.000.000 | 205.183.000 |
| Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị | 210.000.000 | 151.781.000 | - | 361.781.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 37.350.000 | 51.600.000 | 88.950.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 40.850.000 | 51.600.000 | 92.450.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc | 309.600.000 | 178.621.056 | - | 488.221.056 |
| Phó Giám đốc | 265.500.000 | 156.546.296 | - | 422.046.296 |
| Phó Giám đốc | 265.500.000 | 165.189.992 | - | 430.689.992 |
| Phó Giám đốc | 265.500.000 | 161.040.960 | - | 426.540.960 |
| Phó Giám đốc | 251.145.000 | 131.174.228 | - | 382.319.228 |
| Trưởng Ban kiểm soát | 279.900.000 | 179.017.000 | - | 458.917.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | 12.650.000 | 32.400.000 | 45.050.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | 12.650.000 | 32.400.000 | 45.050.000 |
| Kế toán trưởng | 235.800.000 | 146.253.744 | - | 382.053.744 |
| Cộng | 2.082.945.000 | 1.488.307.276 | 258.000.000 | 3.829.252.276 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--|
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa | Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa | Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam | Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa | Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa | | |
| Công ty chi cổ tức năm 2021 | 26.509.800.000 | - |
| Cổ tức năm 2020 phải trả | - | 27.882.210.000 |
| Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa | 7.359.932.570 | 1.095.466.190 |
| Công ty phải trả chi phí gia công yến nguyên liệu | 16.372.400.000 | 4.704.095.000 |
| Chi phí dịch vụ đo đạc tư vấn | - | 532.474.000 |
| Công ty phải trả chi phí dịch vụ du lịch | 10.389.817 | - |
| Chiết khấu bán hàng | 19.256.018.518 | 13.074.091.069 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | | |
| Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa | 30.885.931.200 | 74.546.641.090 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | | |
| Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa | 825.845.425 | 775.560.235 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | | |
| Công ty phải trả chi phí dịch vụ, vận chuyển | - | 42.956.363 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | | |
| Công ty mua nhiên liệu: xăng, dầu | 11.497.303.591 | 6.208.666.652 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5a, V.12 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 8 năm 2022



Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

